

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

ông Vũ Xuân Dữ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/12/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-DS ngày 19/12/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: xóm I, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ hiện nay: xóm D, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình “có mặt”.

- **Bị đơn:** anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981; địa chỉ: xóm I, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2024, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chi Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Phạm Thị H) kết hôn với anh Nguyễn Văn H1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/12/2006 tại UBND xã H, huyện K. Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm I, xã H, huyện K. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong làm ăn kinh tế, dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau và nhiều lần chị H bị anh H1 đánh đập. Do không thể tiếp tục chung sống được với anh H1, đầu năm 2021 chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm D, xã K, huyện K để ở và vợ chồng chính thức sống ly thân nhau cho đến nay,

trong thời gian sống ly thân anh H1 không quan tâm gì đến chị và các con. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

Về con chung: chị H xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Trí T, sinh ngày 08/01/2011 và cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 01/01/2015. Hiện nay các cháu đang ở với chị H1 tại xóm D, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, vì trong thời gian sống ly thân anh H1 không quan tâm, gửi tiền để cùng chị nuôi dạy con cái và anh H1 cho rằng con của chị thì chị phải có trách nhiệm.

Về tài sản và nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn H1, nơi cư trú tại xóm I, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án; giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh H1. Anh H1 đề nghị giao các văn bản của Tòa án cho bố, mẹ anh là ông Nguyễn Đức H2, bà Nguyễn Thị H3 nhận thay, vì anh bận công việc không có thời gian để nhận, anh H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn, anh không có ý kiến gì vì anh là người theo đạo Thiên Chúa.

Tại Bản tự khai ngày 25/10/2024 cháu Nguyễn Trí T và cháu Nguyễn Hà M đều trình bày: các cháu xác nhận bố mẹ cháu là Nguyễn Văn H1 và Phạm Thị H, trong cuộc sống bố mẹ các cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã không sống chung với nhau từ nhiều năm nay, từ khi bố mẹ không ở với nhau các cháu đều ở với mẹ và bố các cháu không hề quan tâm, hỏi han gì hay đến thăm các cháu. Trường hợp bố mẹ các cháu ly hôn thì cả cháu T và cháu Hà M đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ, các cháu rất mong Tòa án xem xét đến nguyện vọng của các cháu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, ông Nguyễn Văn H4 - Phó Trưởng xóm I, xã H, huyện K cung cấp: anh Nguyễn Văn H1 và chị Phạm Thị H là công dân xã H, đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm I, xã H, kết hôn với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh H1 tại xóm I, xã H. Khoảng 10 năm trở lại đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do làm ăn kinh tế bị thua lỗ dẫn đến xảy ra xô xát với nhau. Chị H và anh H1 đã ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay, chị H đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm D, xã K sinh sống, hai bên không quan tâm gì đến nhau. Về

con chung, anh H1, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trí T, sinh tháng 01/2011 và cháu Nguyễn Hà M, sinh tháng 01/2015. Hiện cả 02 cháu đều đang ở cùng với chị H từ khi vợ chồng sống ly thân. Về tài sản chung: cả anh H1, chị H đều là lao động tự do nên thu nhập của anh chị ấy như nào ông H4 không biết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, ông Trịnh Văn Đ - Phó Chủ tịch UBND xã K cung cấp: chị Phạm Thị H, sinh năm 1987 quê quán xã K, huyện K, năm 2006 có kết hôn với anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981 nhà ở xóm I, xã H. Sau khi kết hôn, chị H1 chuyển khẩu về quê chồng tại xóm I, xã H. Theo địa phương được biết vợ chồng anh H1, chị H đã xảy ra mâu thuẫn với nhau, do không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, chị H đã đưa cả 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở tại xóm D, xã K. Hiện nay chị H và các cháu đều sinh sống, học tập tại địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với ông Nguyễn Đức H2, bà Nguyễn Thị H3 (bố, mẹ đẻ anh H1), ông H2, bà H3 cung cấp: con trai ông là Nguyễn Văn H1 có kết hôn với chị Phạm Thị H vào năm 2006 tại UBND xã H. Sau khi cưới, cả anh H1, chị H đều sinh sống cùng vợ chồng ông, bà tại xóm I, xã H. Trong thời gian chung sống anh H1, chị H có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau khoảng 04 năm trước, nguyên nhân xuất phát từ làm ăn kinh tế, nợ nần. Chị H đã đưa các cháu về nhà bố mẹ đẻ tại xóm D, xã K sinh sống từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Về con chung, anh H, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trí T, sinh tháng 01/2011 và cháu Nguyễn Hà M, sinh tháng 01/2015. Từ khi ly thân các cháu đều ở với chị H, anh H1 hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì. Anh H1 và chị H không có tài sản chung nào. Gia đình ông, bà đã nhận được các văn bản của Tòa án và giao lại cho anh H1, anh H1 biết việc chị H có đơn xin ly hôn anh, nhưng do là người theo đạo Công giáo nên không muốn trái đạo; anh H1 cũng cho biết là vợ chồng anh chị không còn tình cảm gì với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Phạm Thị H1 ly hôn anh Nguyễn Văn H1. Giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Trí T, sinh ngày 08/01/2011 và cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 01/01/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh

H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H; các bên có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981; địa chỉ: xóm I, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn xin không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H1, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh H1. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 19/12/2024 anh Nguyễn Văn H1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 26/12/2024, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2006 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh H1 và chị H không thực hiện đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau và nhiều lần anh H1 đánh đập chị H. Hiện chị H, anh H1 đã sống ly thân được 04 năm, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh H1 đang sinh sống tại địa phương và đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh, nhưng anh H1 không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tòa án cùng chính

quyền địa phương đến gia đình nhà anh H1 làm việc, anh H1 không hợp tác và có ý kiến việc chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, vì anh đi theo đạo Thiên Chúa nên không được phép ly hôn. Như vậy, giữa anh H1 và chị H không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, anh H1 không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1 là có căn cứ.

[3] Về con chung: chị H1, anh H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Trí T, sinh ngày 08/01/2011 và cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 01/01/2015. Hiện nay cháu đang ở với chị H1 tại xóm D, xã K, huyện K. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H1 có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh H1 không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: **từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh H1 không quan tâm gì đến các cháu, được thể hiện chính trong lời khai của các cháu, phù hợp với lời khai của chị H, phần trình bày của ông H2, bà H3 (ông bà nội các cháu) và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Điều đó thể hiện anh H1 không có trách nhiệm, quan tâm gì với con cái, phó mặc tất cả cho chị H. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của chị H về vấn đề nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không buộc anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H như sự tự nguyện của chị H và phù hợp với nguyện vọng của con chung khi cha mẹ ly hôn.**

[4] Về tài sản và nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H1 không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Nguyễn Trí T, sinh ngày 08/01/2011 và cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 01/01/2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị H.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001896 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị H đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng